

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÀ ÔN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 122 /2023/HNGĐ-ST

Ngày: 02-10-2023

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ ÔN, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thu Nga.**

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Bà **Lê Thị Trúc Linh**

2/ Ông **Trần Văn Chiêu**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Lâm Diệu Huyền** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 02 tháng 10 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 199/2023/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2023, về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 129/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 9 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Huỳnh Thị D**, sinh năm 1987 (vắng mặt)

Địa chỉ ấp T, xã L, huyện T, tỉnh Vĩnh Long

- Bị đơn: Anh **Phan Thanh T**, sinh năm 1990 (Có mặt)

Địa chỉ ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Vĩnh Long

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, Bản tự khai cùng ngày 06/7/2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị **Huỳnh Thị D** trình bày: Chị và anh **Phan Thanh T** thành hôn năm 2022 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Vĩnh Long ngày 29/4/2022. Vợ chồng sống chung gần 01 năm thời gian đầu hạnh phúc, sau phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi nhau nên vợ chồng đã cắt đứt quan hệ từ tháng 02/2023 đến nay. Chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục quan hệ hôn nhân, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với

anh Phan Thanh T. Về con chung, về tài sản chung, nợ chung không có yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Phan Thanh T đã được Toà án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không có văn bản trình bày ý kiến gửi cho Toà án.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn chị Huỳnh Thị D vắng mặt có đơn xin vắng mặt

Bị đơn anh Phan Thanh T trình bày: Giữa anh và chị D sống chung không có hạnh phúc nên vợ chồng đã cắt đứt quan hệ từ tháng 02/2023 đến nay. Anh xác định không còn tình cảm vợ chồng nên đồng ý ly hôn với chị D. Về con chung, tài sản chung, nợ chung không có, không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Huỳnh Thị D vắng mặt có ý kiến đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đương sự trên.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Huỳnh Thị D và anh Phan Thanh T thành hôn năm 2022, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Vĩnh Long ngày 29/4/2022 nên xem đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp phù hợp theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình.

Trong quá trình chung sống, giữa chị Huỳnh Thị D và anh Phan Thanh T có xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, vợ chồng đã cắt đứt quan hệ từ tháng 02/2023 đến nay. Tại phiên tòa anh T xác định mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn được nên đồng ý ly hôn với chị D. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị D là phù hợp theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.2] Về con chung tài sản chung, nợ chung: Chị Huỳnh Thị D và anh Phan Thanh T trình bày không có và không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Huỳnh Thị D phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn theo quy định điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc

hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Huỳnh Thị D.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Huỳnh Thị D được ly hôn với anh Phan Thanh T.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Huỳnh Thị D có nghĩa vụ nộp 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí ly hôn nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0004241 ngày 06/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Ôn, chị D đã nộp đủ.

4. Bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa nên được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện ;
- Chi cục Thi hành án huyện;
- Ủy ban nhân dân xã Phú Thành
- GCNKH số 150/TLKH-BS
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Thị Thu Nga